

Số: 1150 /QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên  
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

### HIỆU TRƯỞNG

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên trong trường Trung cấp, trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-ĐHCN ngày 01/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

**Điều 2.** Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị, viên chức, người lao động, sinh viên và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT;
- Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



**QUY ĐỊNH****Về việc Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên****Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1150**/QĐ-ĐHCN ngày **20**/12/2021  
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học chính quy, cao đẳng chính quy tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (sau đây gọi là Nhà trường).

**Điều 2. Nguyên tắc đánh giá**

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

**Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm**

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a) Thái độ và kết quả trong học tập;

b) Chấp hành pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, nội quy, quy chế quy định của nhà trường;

c) Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;

d) Kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng;

e) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

**Chương II**  
**CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

**Điều 4. Các tiêu chí đánh giá và thang điểm**

| STT       | Các tiêu chí đánh giá  | Thang điểm |           |
|-----------|--|------------|-----------|
|           |  | Đại học    | Cao đẳng  |
| <b>1.</b> | <b>Đánh giá về thái độ và kết quả trong học tập</b>  |            |           |
|           | Ý thức và thái độ trong học tập.   | <b>20</b>  | <b>30</b> |
|           | Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học.                                   |            |           |
|           | Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi.   |            |           |
|           | Tinh thần phấn đấu vươn lên trong học tập.   |            |           |
|           | Kết quả học tập.   |            |           |
| <b>2.</b> | <b>Đánh giá về chấp hành pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, nội quy, quy chế quy định của nhà trường</b>   |            |           |
|           | Ý thức chấp hành các quy định, các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong trường.  | <b>25</b>  | <b>25</b> |
|           | Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong trường, pháp luật của Nhà nước.  |            |           |
| <b>3.</b> | <b>Đánh giá về tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội</b>                                  |            |           |
|           | Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao.   | <b>20</b>  | <b>25</b> |
|           | Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội.  |            |           |
|           | Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.  |            |           |
| <b>4.</b> | <b>Đánh giá về kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện</b> |            |           |
|           | Đánh giá về kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong trường   | <b>10</b>  | <b>20</b> |
|           | Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp,  |            |           |

|           |  |           |                       |
|-----------|--|-----------|-----------------------|
|           | Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong trường.   |           |                       |
|           | Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Trường.                         |           |                       |
|           | Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa, trung tâm và trường.                       |           |                       |
|           | Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.   |           |                       |
| <b>5.</b> | <b>Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng</b>   |           |                       |
|           | Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng. | <b>25</b> | <b>Không đánh giá</b> |
|           | Ý thức tham gia các hoạt động xã hội; có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng.                            |           |                       |
|           | Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.   |           |                       |

### Chương III

## PHÂN LOẠI VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

### Điều 5. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ tổng điểm đánh giá theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại Điều 4, kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện đối với sinh viên hệ đại học:

- Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- Dưới 35 điểm: loại kém.

3. Phân loại kết quả rèn luyện đối với sinh viên hệ cao đẳng:

- Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- Từ 70 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- Từ 50 đến dưới 70 điểm: loại trung bình;
- Dưới 50 điểm: loại kém.

### Điều 6. Phân loại để đánh giá

1. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với thời gian quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

2. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng hoàn cảnh cụ thể.

3. Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

4. Sinh viên chuyển trường được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ và tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

5. Kết quả rèn luyện trong kỳ của sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo không vượt quá loại Trung bình; sinh viên bị kỷ luật ở hình thức khiển trách không vượt quá loại Khá.

6. Không đánh giá kết quả rèn luyện đối với các sinh viên:

a) Trong thời gian bị kỷ luật mức đình chỉ;

b) Sinh viên bị buộc thôi học do bị kỷ luật hoặc do kết quả học tập.

c) Sinh viên bị tạm giữ phục vụ điều tra.

d) Sinh viên không đăng ký học phần trong thời gian quy định của khóa học. Trường hợp sinh viên có nguyện vọng cần làm đơn xin đánh giá kết quả rèn luyện. Trường hợp sinh viên không thể đăng ký học do không đủ điều kiện mở lớp, sinh viên làm đơn đề nghị không xét quá thời gian quy định khi đánh giá rèn luyện.

e) Sinh viên nghỉ học tạm thời, bảo lưu kết quả học tập. Kết quả rèn luyện sẽ bảo lưu và được đánh giá khi tiếp tục trở lại học tập.

7. Đối với sinh viên trong kỳ thực tập, yêu cầu có đánh giá thái độ, tác phong tại nơi thực tập làm cơ sở đánh giá rèn luyện.

### **Điều 7. Thời gian đánh giá và công thức tính điểm rèn luyện**

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện từng sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của sinh viên được tính theo công thức:

$$R = \frac{\sum_{i=1}^n ri \cdot (1 - 0.05q)}{N}$$

Trong đó:

- a) R là điểm rèn luyện (được làm tròn đến hàng đơn vị);
- b) ri là tổng điểm đạt được của các nội dung đánh giá của học kỳ thứ i trong thời gian xét;
- c) q là số học kỳ quá thời gian quy định;
- d) n là tổng số học kỳ trong khóa học;
- e) N là số kỳ học trong thời gian xét.

### **Điều 8. Quy trình đánh giá**

Bước 1: Phòng Công tác sinh viên lập phiếu đánh giá và ra thông báo thời gian hoàn thành kết quả rèn luyện trên hệ thống đại học điện tử

Bước 2: Cố vấn học tập triển khai công tác đánh giá rèn luyện đến sinh viên.

Bước 3: Trong vòng 7 ngày, từ ngày ra thông báo, sinh viên phải hoàn thành tự đánh giá kết quả rèn luyện của bản thân theo mức điểm chi tiết do nhà trường quy định trên hệ thống đại học điện tử.

Bước 4: Trong vòng 7 ngày, sau khi sinh viên tự đánh giá kết quả rèn luyện của mình, cố vấn học tập tổ chức họp lớp tiến hành bình xét, tập thể lớp góp ý và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và được trên 50% ý kiến đồng ý của tập thể lớp tham gia.

Bước 5: Cố vấn học tập nhập dữ liệu đánh giá lên hệ thống đại học điện tử, thông báo cho sinh viên.

Bước 6: Sinh viên có quyền khiếu nại nếu thấy kết quả đánh giá rèn luyện chưa thuyết phục.

Bước 7: Cố vấn học tập gửi kết quả đánh giá lên hội đồng đánh giá cấp Trường thuộc/trực thuộc, Khoa, Trung tâm (sau đây gọi chung là Khoa).

Bước 8: Hội đồng đánh giá cấp Khoa họp xét, thống nhất thông qua kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên trong Khoa. Lãnh đạo khoa gửi kết quả đánh giá cuối cùng lên đơn vị phụ trách - phòng Công tác Sinh viên trong vòng 30 ngày sau khi kết thúc học kỳ chính được xét.

Bước 9: Phòng Công tác Sinh viên tổng hợp, thông báo kết quả đánh giá cho sinh viên, tiếp nhận khiếu nại và giải quyết (nếu có) trong thời hạn 10 ngày làm việc trước khi trình kết quả đánh giá cuối cùng lên Hội đồng đánh giá cấp trường.

Bước 10: Hội đồng đánh giá cấp trường họp xét, thống nhất và trình Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định công nhận kết quả.

Bước 11: Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

## Chương IV

### TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

#### Điều 9. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

##### 1. Hội đồng cấp trường

a) Nhà trường Thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học theo quy định của pháp luật.

##### b) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường

##### c) Thành phần Hội đồng cấp trường

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

- Các ủy viên: Đại diện lãnh đạo các Khoa, các đơn vị có liên quan, đại diện Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường.

##### d) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Khoa, hội đồng tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

##### 2. Hội đồng cấp khoa

a) Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa theo quy định.

##### b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng đơn vị.

- Các ủy viên: Cố vấn học tập; Thư ký Khoa; đại diện Liên chi đoàn và Liên chi hội.

##### c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa

- Giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của cố vấn học tập, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên từng lớp, đề nghị Trưởng khoa công nhận.

#### Điều 10. Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả phân loại rèn luyện của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên.

2. Kết quả rèn luyện được sử dụng để xét học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ và các chế độ khác liên quan đến quyền lợi của sinh viên theo quy định hiện hành.

3. Sinh viên có kết quả rèn luyện đặc biệt xuất sắc được nhà trường xét biểu dương, khen thưởng.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo. Nếu sinh viên tiếp tục bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

### **Điều 11. Quyền khiếu nại của sinh viên**

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng, khoa đào tạo hoặc Hiệu trưởng (thông qua phòng Công tác sinh viên) nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác.

Trình tự khiếu nại phải được thực hiện theo đúng quy định. Khi nhận được đơn khiếu nại, các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải quyết trả lời cho sinh viên trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận đơn.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị**

1. Phòng Công tác Sinh viên
  - a) Thường trực Hội đồng cấp trường đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên;
  - b) Thư ký Hội đồng cấp trường, tiếp nhận hồ sơ đánh giá, tổng hợp kết quả từ Hội đồng cấp Khoa, Trung tâm;
  - c) Giải quyết khiếu nại vượt cấp;
  - d) Đề xuất họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường;
  - e) Công bố kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên;
  - f) Xét và đề nghị các trường hợp bị ngừng học, buộc thôi học do kết quả rèn luyện kém;
  - g) Đề xuất Hiệu trưởng khen thưởng các trường hợp xếp loại rèn luyện xuất sắc, có thành tích nổi bật theo năm học và toàn khóa học.

#### 2. Các đơn vị đào tạo

- a) Thành lập Hội đồng cấp khoa đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên; xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên;
- b) Giải quyết khiếu nại, đánh giá bổ sung kết quả rèn luyện của sinh viên.

#### 3. Phòng Đào tạo

- a) Cung cấp kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ cho thường trực Hội đồng cấp trường;



b) Nhận kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên để xét học tiếp, xét tốt nghiệp và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khi ra trường.

4. Phòng Khoa học công nghệ: Cung cấp danh sách sinh viên có công trình nghiên cứu khoa học; danh sách sinh viên có thành tích tốt trong nghiên cứu khoa học cho thường trực hội đồng cấp trường.

5. Phòng Tài chính Kế toán: cung cấp danh sách sinh viên không hoàn thành học phí đúng hạn cho thường trực hội đồng cấp trường.

6. Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên: Tham gia vào Hội đồng đánh giá các cấp tương đương và cung cấp cho hội đồng đánh giá cấp tương đương:

a) Danh sách các sinh viên tham gia các hoạt động do Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên tổ chức, sinh viên có thành tích hoạt động Đoàn, Hội tốt, sinh viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến tổ chức;

b) Danh sách, đánh giá chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ Đoàn – Hội, ban chủ nhiệm câu lạc bộ, đội, nhóm theo từng kỳ.

c) Danh sách cán bộ Đoàn – Hội được biểu dương, khen thưởng.

### **Điều 13. Công tác triển khai thực hiện và phối hợp**

1. Các đơn vị theo chức năng và nhiệm vụ được giao thực hiện các nội dung của Quy định này.

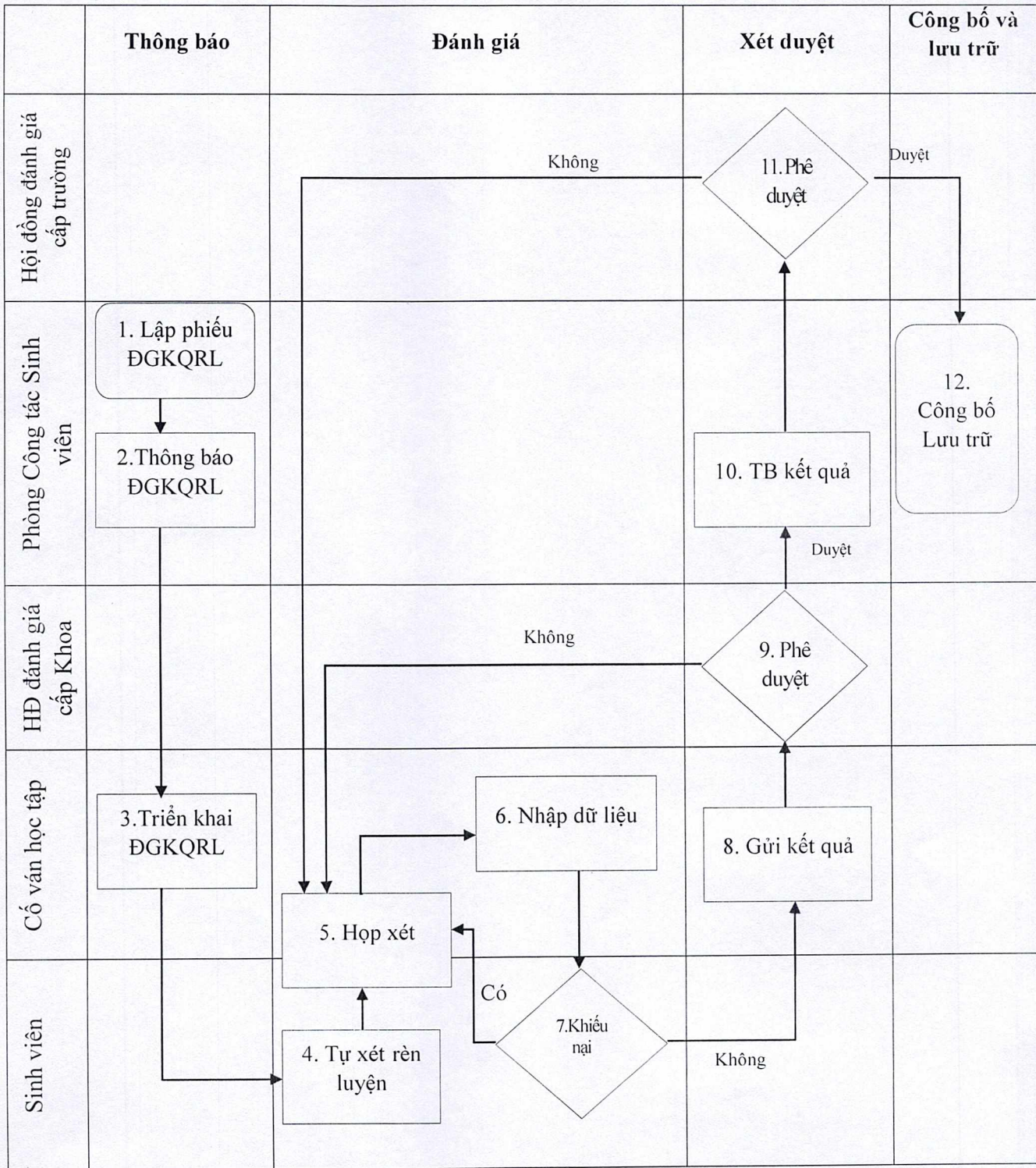
2. Các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong Nhà trường chủ động phối hợp chặt chẽ với nhau thực hiện tốt việc đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên từng học kỳ, năm học và toàn khoá học.

### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm phổ biến nội dung Quy định này đến viên chức, người lao động và người học của đơn vị để thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Phòng Công tác Sinh viên để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**Phụ lục I**  
**SƠ ĐỒ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CHO SINH VIÊN**



**Phụ lục II**  
**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

| STT       | Nội dung đánh giá<br>( $0 \leq$ Điểm đánh giá từng tiêu chí lớn $\leq$ thang điểm.<br>Thời gian đánh giá các nội dung trong kỳ học)                      | Thang điểm |           | Ghi chú |
|-----------|--|------------|-----------|---------|
|           |  | Đại học    | Cao đẳng  |         |
| <b>I.</b> | <b>Đánh giá về ý thức, thái độ và kết quả trong học tập</b>  | <b>20</b>  | <b>30</b> |         |
| <b>1.</b> | <b><i>Kết quả học tập (Căn cứ vào Điểm trung bình chung học kỳ)</i></b>  | <b>10</b>  | <b>20</b> |         |
|           | Xuất sắc (Đại học từ 3.6 trở lên; Cao đẳng từ 9.0 trở lên)   | 10         | 20        |         |
|           | Giỏi (Đại học từ 3.2 đến 3.59; Cao đẳng từ 8.0 đến 8.9)  | 08         | 18        |         |
|           | Khá (Đại học từ 2.5 đến 3.19; Cao đẳng từ 7.0 đến 7.9)   | 06         | 16        |         |
|           | Trung bình Khá (Cao Đẳng từ 6.0 đến 6.9)   |            | 14        |         |
|           | Trung bình (Đại học từ 2.0 đến 2.49; Cao đẳng từ 5.0 đến 5.9)  | 04         | 10        |         |
| <b>2.</b> | <b><i>Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học</i></b>          | <b>10</b>  |           |         |
|           | Tham gia đề tài Nghiên cứu khoa học cấp khoa/ trường   | 05         |           |         |
|           | Là thành viên các câu lạc bộ học thuật do Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên trường quản lý hoặc do các Liên chi đoàn – Liên chi hội SV phụ trách trực tiếp | 02         |           |         |
|           | Tham gia cuộc thi học thuật cấp Trường, Thành phố, Quốc gia, Quốc tế   | 08         |           |         |
|           | Đạt giải cấp Quốc gia, quốc tế   | 20         |           |         |
|           | Đạt giải cấp Trường, cấp Thành phố   | 10         |           |         |

| STT  | Nội dung đánh giá<br>( $0 \leq$ Điểm đánh giá từng tiêu chí lớn $\leq$ thang điểm.<br>Thời gian đánh giá các nội dung trong kỳ học)   | Thang điểm |           | Ghi chú |
|------|---|------------|-----------|---------|
|      |   | Đại học    | Cao đẳng  |         |
|      | Tham gia các lớp kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành xã hội, kỹ năng sống cho sinh viên được phòng CTSV, ĐTN, HSV và các đơn vị có đủ tư cách và trách nhiệm cấp giấy chứng nhận | 06         |           |         |
|      | Tham gia các buổi hội thảo khoa học, sinh hoạt chuyên đề học thuật từ cấp khoa trở lên (là thành viên ban tổ chức được cộng thêm 0.5 đ/ hđ)                                 | 03         |           |         |
|      | Có bài đăng trên tạp chí khoa học   | 10         |           |         |
| II.  | <b>Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường</b>  | <b>25</b>  |           |         |
| 1.   | <i>Chấp hành các quy định, các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong trường.</i>   | <b>10</b>  |           |         |
| 2.   | <i>Chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong trường.</i>   | <b>15</b>  |           |         |
| III. | <b>Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao và phòng chống tệ nạn xã hội:</b>                                   | <b>20</b>  | <b>25</b> |         |
|      | <i>Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao</i>  | <b>10</b>  | <b>15</b> |         |
| 1.   | Tham gia  | 05         | 08        |         |
|      | Đạt giải  | 10         | 15        |         |
|      | BTC, Cộng tác viên  | 10         | 15        |         |
|      | Cổ vũ   | 02         | 05        |         |

| STT | Nội dung đánh giá<br>( $0 \leq$ Điểm đánh giá từng tiêu chí lớn $\leq$ thang điểm.<br>Thời gian đánh giá các nội dung trong kỳ học)  | Thang điểm |          | Ghi chú |
|-----|--|------------|----------|---------|
|     |  | Đại học    | Cao đẳng |         |
| 2.  | <i>Là thành viên và sinh hoạt định kỳ cùng các CLB nghệ thuật, TDTT của Khoa, Trường</i>   | 05         |          |         |
| 3.  | <i>Tham gia phong trào phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.</i>  | 05         |          |         |
| IV  | <b>Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên</b>                                      | 10         | 20       |         |
| 1.  | <i>Sinh viên tham gia BCH Đoàn trường, BCH Hội sinh viên trường, BCH Khoa, BCH Chi đoàn, chi hội, Cán bộ lớp, Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các CLB đội nhóm của khoa, trường (theo kết quả đánh giá của BCH Đoàn Thanh niên, Hội SV)</i> |            |          |         |
|     | Hoàn thành tốt nhiệm vụ  | 10         | 20       |         |
|     | Hoàn thành nhiệm vụ  | 05         | 10       |         |
|     | <b>Điểm trừ:</b> Không hoàn thành nhiệm vụ   | 10         | 20       |         |
| 2.  | <b><i>Đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên</i></b>  |            |          |         |
| 2.1 | Được khen thưởng hoặc đạt giải cấp Bộ, các cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành trực thuộc Trung ương, Trung ương Đoàn, Trung ương Hội trở lên.   | 10         | 20       |         |
| 2.2 | Được khen thưởng hoặc đạt giải cấp Sở, các cơ quan ngang Sở, Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, Thành Đoàn, Thành Hội.  | 10         | 20       |         |
| 2.3 | Được khen thưởng hoặc đạt giải cấp Nhà trường, Đoàn trường, Hội SV trường  | 05         | 10       |         |

| STT | Nội dung đánh giá<br>( $0 \leq$ Điểm đánh giá từng tiêu chí lớn $\leq$ thang điểm.<br>Thời gian đánh giá các nội dung trong kỳ học) | Thang điểm |          | Ghi chú |
|-----|---|------------|----------|---------|
|     |   | Đại học    | Cao đẳng |         |
| 2.4 | Sinh viên xuất hiện trên các thông tin báo chí tạo hình ảnh tốt cho sinh viên nhà trường  | 10         | 20       |         |
| V   | <b>Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng</b>  | <b>25</b>  | <b>0</b> |         |
| 1.  | <i>Tham gia tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.</i>                             | 10         |          |         |
| 2.  | <i>Tham gia các hoạt động PVCD cấp Trường/ Khoa</i>   | 10         |          |         |
| 3.  | <i>Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ mọi người vượt qua khó khăn, hoạn nạn vươn lên trong học tập và rèn luyện.</i>                     | 05         |          |         |
|     | <i>Tổng số điểm SV đạt được:</i>  |            |          |         |
|     | <i>Xếp loại :</i>   |            |          |         |